

Bản án số: 25/2024/DS-ST.

Ngày: 11-7-2024.

V/v: *Tranh chấp về  
thực hiện nghĩa vụ  
trả nợ huê, hui.*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP**  
**TỈNH BT**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán– Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Huyền***

***Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Hà***

***2. Ông Nguyễn Trọng Di***

***-Thư ký phiên tòa: ông Hán Tấn Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TP.***

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP tham gia phiên tòa: ông Trần Đình Thống – Kiểm sát viên.***

Ngày 11 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TP xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2024/TLST- DS ngày 21 tháng 02 năm 2024 về “*Tranh chấp về thực hiện nghĩa vụ trả nợ huê, hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXXST-DS ngày 03-5-2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2024/QĐST-DS, ngày 24-5-2024 và Thông báo số 01/2024/TB-TA, ngày 26-6-2024, đối với các đương sự:

***-Nguyên đơn:*** bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967.

Địa chỉ: khu phố 1, thị trấn LH, huyện TP, tỉnh BT.

***-Bị đơn:*** bà Cao Thị L, sinh năm 1974.

Địa chỉ: khu phố 9, thị trấn LH, huyện TP, tỉnh BT.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\*Theo đơn khởi kiện, lời khai và tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn trình bày: Vào ngày 20-12-2021 (âm lịch), bị đơn Cao Thị L có tham gia chơi hui do nguyên đơn làm thủ hui, mỗi phần hui là 2.000.000 đồng/tháng, có 12 thành viên chơi, ngày mãn hui là 20-11-2022 (âm lịch). Bị đơn là người hót hui đầu tiên, có ghi giấy “đơn xin chơi huê 12 phần” giao cho nguyên đơn giữ. Sau khi hót hui, bị đơn có nộp hui chết được một lần là 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*) thì bỏ địa phương đi, không đóng hui chết tiếp tục. Vào cuối năm 2022, bị đơn về lại địa phương đã viết giấy hứa hẹn mỗi tháng

sẽ trả cho nguyên đơn 1.000.000 đồng. Do bị đơn không thực hiện việc trả số nợ này nên nguyên đơn đã khởi kiện đến Tòa án. Quá trình Tòa án mời làm việc, bị đơn có trả cho nguyên đơn 02 lần với số tiền 1.700.000 đồng (*một triệu bảy trăm nghìn đồng*) và hẹn sẽ tiếp tục trả dần nên nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện, Tòa án ra Quyết định đình chỉ số 85/2023/QĐST-DS, ngày 24-8-2023. Sau khi Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án, bị đơn không thực hiện việc trả nợ như cam kết nên nguyên đơn khởi kiện lại. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn có trả cho nguyên đơn số tiền 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*) và hứa sẽ tiếp tục thực hiện việc trả nợ này nên nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện, Tòa án ra Quyết định đình chỉ số 02/2024/QĐST-DS, ngày 08-01-2024. Bị đơn lại tiếp tục không thực hiện cam kết nên nguyên đơn lại tiếp tục khởi kiện bị đơn, yêu cầu bị đơn phải trả số tiền còn nợ cho nguyên đơn.

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải tiếp tục trả số tiền còn nợ là 18.300.000 đồng (*mười tám triệu ba trăm nghìn đồng*) và tiền lãi tạm tính là 12 tháng (tính từ 27-12-2022) với lãi suất 1%/tháng thành tiền là 2.196.000 đồng (*hai triệu một trăm chín mươi sáu nghìn đồng*), tổng cộng 20.496.000 đồng (*hai mươi triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn đồng*). Tại buổi làm việc ngày 22-3-2024, nguyên đơn xác nhận có sự nhầm lẫn trong tính toán nên đã tính sai số tiền. Nay, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải tiếp tục trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ là **17.300.000** đồng (*mười bảy triệu ba trăm nghìn đồng*), không yêu cầu tính lãi.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn từ chối nhận các văn bản của Tòa án và đều vắng mặt tại các buổi làm việc. Vì vậy, nguyên đơn đã đề nghị Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

**\* Tại phiên tòa:**

- Ý kiến tranh luận của nguyên đơn: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện với các căn cứ đã trình bày như trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và lời trình bày tại phiên tòa.

- Do bị đơn không có mặt nên không có ý kiến tranh luận lại với nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật.

+ Về thời hạn giải quyết vụ án: Đúng thời hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn không đến Tòa án để giải quyết và đã vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên đưa ra xét xử vắng mặt bà Cao Thị L là đúng quy định của pháp luật.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Ngoài lời khai của nguyên đơn, 01 giấy viết tay xin chơi huê 12 phần, 01 giấy viết tay hứa trả nợ do nguyên đơn cung cấp, 02 Quyết định đình chỉ đều do nguyên đơn tự nguyện rút đơn, không có chứng cứ tài liệu nào khác để chứng minh chữ viết, chữ ký trong 02 giấy viết tay là do bị đơn tự viết, tự ký. Vì vậy, các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, giao

nộp cho Toà án chưa đầy đủ để giải quyết vụ án dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 259 Bộ luật tố tụng dân sự tạm ngừng phiên tòa để cho nguyên đơn tiếp tục bổ sung tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình hoặc đề nghị Toà án xác minh, thu thập chữ viết, chữ ký của bị đơn thông qua cơ quan quản lý Nhà nước để ra quyết định trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết trong giấy viết tay hứa trả nợ và giấy viết tay đơn xin chơi huê 12 phần có phải là của bị đơn hay không?

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn khởi kiện, yêu cầu bị đơn Cao Thị L (có nơi cư trú tại khu phố 9, thị trấn LH, huyện TP) phải tiếp tục trả nợ cho nguyên đơn, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TP. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, yêu cầu bà Cao Thị L đến Tòa để lấy lời khai, hòa giải và thực hiện các thủ tục tố tụng khác nhưng bị đơn từ chối nhận các văn bản của Tòa án và không chấp hành. Do đó, Tòa án không thể tiến hành hòa giải theo thủ tục chung và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Cao Thị L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật: Các bên thoả thuận chơi huê, hụi trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của giao dịch phù hợp với quy định tại các Điều 116, 117 Bộ luật dân sự năm 2015 nên có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia. Sau khi bị đơn nhận nợ đối với nguyên đơn và có cam kết trả nợ hàng tháng, bị đơn đã thực hiện việc trả nợ cho nguyên đơn 03 lần với số tiền 2.700.000 đồng (*hai triệu bảy trăm nghìn đồng*), số tiền nợ còn lại 17.300.000 đồng do bị đơn không tiếp tục trả nên nguyên đơn khởi kiện. Vì vậy, Tòa án xác định đây là vụ kiện về “*Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ trả nợ huê, hụi*” theo quy định tại Điều 274 và Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền nợ 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*) do có nhầm lẫn trong tính toán và tiền lãi tạm tính 12 tháng (tính từ 27-12-2022) với lãi suất 1%/tháng thành tiền là 2.196.000 đồng (*Hai triệu một trăm chín mươi sáu nghìn đồng*), tổng cộng là **3.196.000** (*Ba triệu một trăm chín mươi sáu nghìn đồng*). Xét thấy việc rút một phần yêu cầu này, nằm trong phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa nguyên đơn và bị đơn có thoả thuận xác nhận nợ huê, hụi, theo đó

bị đơn có nợ của nguyên đơn số tiền hui đã hót là 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng) được thể hiện tại giấy “đơn xin chơi huê 12 phần” lập ngày 20-12-2021, nguyên đơn khai bị đơn đã đóng hui chết được 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) còn nợ lại số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Sau nhiều lần đòi tiền nợ nên bị đơn có thoả thuận trả cho nguyên đơn hàng tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) được thể hiện tại giấy “tôi xin trả hàng tháng 1.000.000 đồng”. Nguyên đơn xác định 02 giấy này là do bị đơn lập giao cho nguyên đơn. Sau khi thoả thuận việc trả tiền, bị đơn có thực hiện nghĩa vụ trả nợ hai lần với tổng số tiền đã trả là 1.700.000 đồng (một triệu bảy trăm nghìn đồng), phù hợp với Biên bản lời khai của bị đơn vào ngày 13-7-2023 theo vụ kiện thụ lý số 243/2023/TLST-DS (đã được đình chỉ theo Quyết định số 85/2023/QĐST-DS, ngày 24-8-2023). Theo trình bày của nguyên đơn, bị đơn có trả tiếp số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng), tổng cộng 03 lần trả tiền là 2.700.000 đồng (hai triệu bảy trăm nghìn đồng), còn nợ lại số tiền 17.300.000 đồng (mười bảy triệu ba trăm nghìn đồng), không tiếp tục thực hiện nên phát sinh tranh chấp giữa hai bên.

Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nghĩa vụ chứng minh thuộc về các đương sự. Bị đơn từ chối nhận các văn bản tố tụng của Toà, điều này chứng tỏ bị đơn biết nội dung khởi kiện của nguyên đơn nhưng không có ý kiến phản đối và tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Toà án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”. Vì vậy, có căn cứ xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn từ chối nghĩa vụ chứng minh của mình, không có ý kiến phản đối cũng như không có yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết trong 02 tờ giấy mà nguyên đơn đã nộp. Toà án cũng không có nghĩa vụ xác minh, thu thập chữ viết, chữ ký của bị đơn thông qua cơ quan quản lý Nhà nước để ra quyết định trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết trong giấy viết tay hứa trả nợ và giấy viết tay đơn xin chơi huê 12 phần có phải là của bị đơn, để chứng minh giúp bị đơn có hay không nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 116, Điều 117, Điều 274 và Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị T đối với số tiền **3.196.000** đồng (*Ba triệu một trăm chín mươi sáu nghìn đồng*).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Cao Thị L phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền huê, hụi còn nợ là **17.300.000** đồng (*mười bảy triệu ba trăm nghìn đồng*).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn, nếu bị đơn Cao Thị L chưa thi hành xong số tiền phải thi hành án thì bị đơn còn phải chịu thêm khoản lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

3.1 Buộc bà Cao Thị L phải nộp **865.000** đồng (*tám trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

3.2 Trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền **512.000** đồng (*năm trăm mười hai nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0006588 ngày 21-02-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (11-7-2024). Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

-VKSND BT;  
-VKSND TP;  
-THADS TP;  
-Nguyên đơn;bị đơn;  
-Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Thu Huyền**